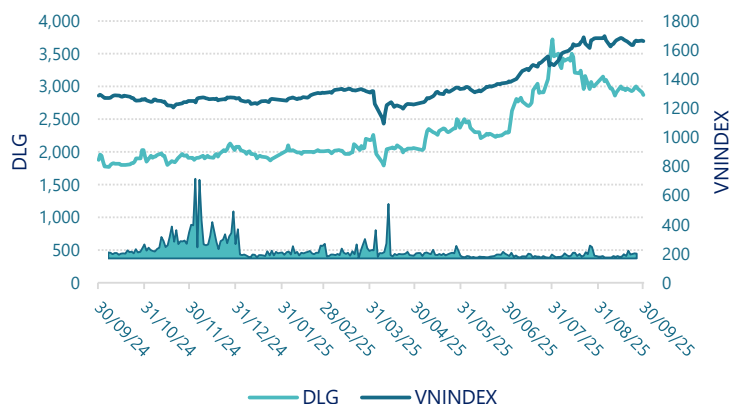


CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HSX: DLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,870
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,770
SL cổ phiếu LH	299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,264,935
% sở hữu nước ngoài	6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	859
P/E	3.7
EPS	773

DT thuần

Q3/25

173

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 6.5%

YoY: ▼ 47.0 | -21.6%

LN sau thuế

Q3/25

89.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.7 | 221%

YoY: ▲ 25.0 | 38.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

84.7%

+/- YoY: ▲ 23.1%

DT thuần

9T 2025

488

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 327 | -40.2%

LN sau thuế

9T 2025

159

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 26.3%

ROE

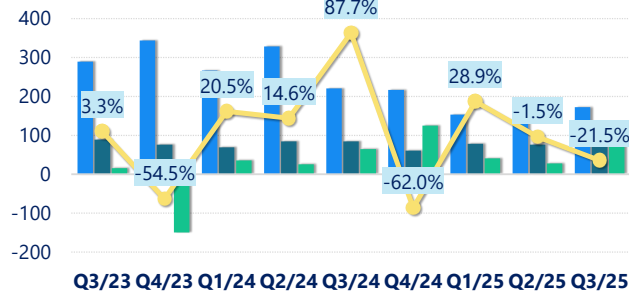
Q3/25

29.9%

+/- YoY: ▲ 35.8%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



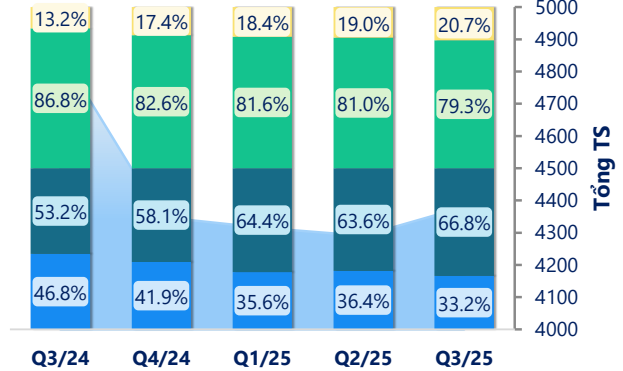
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

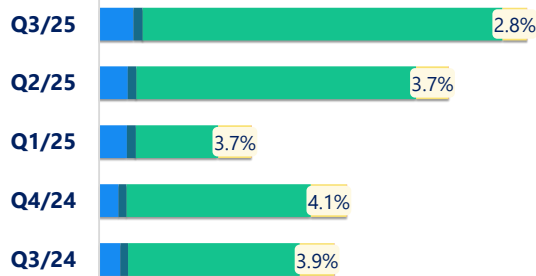


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

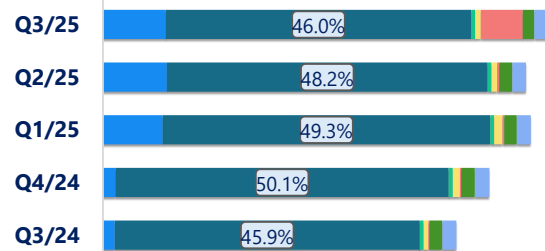
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

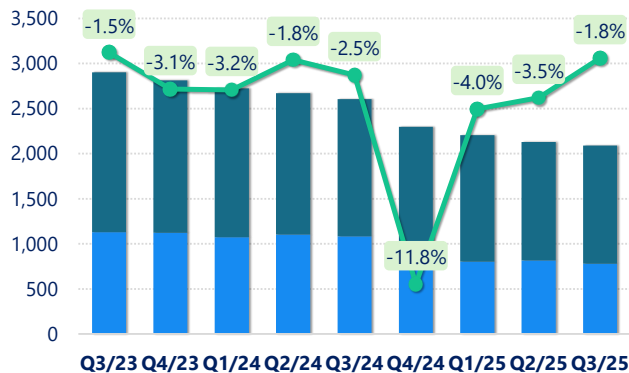


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



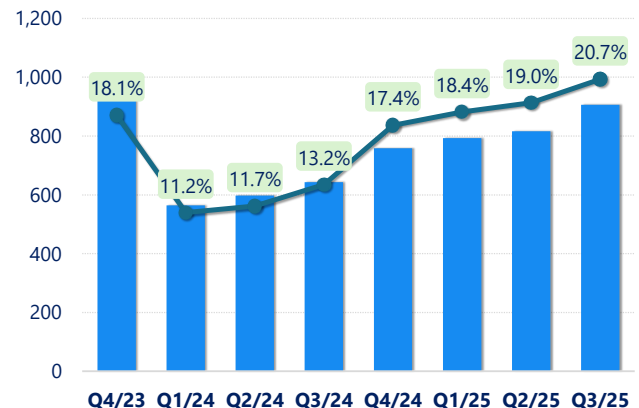
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

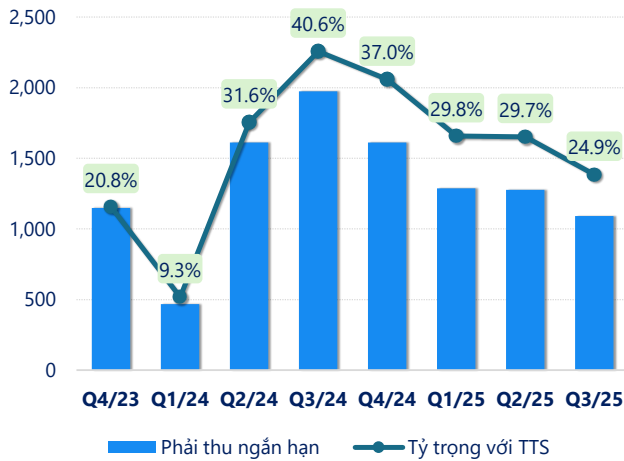


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

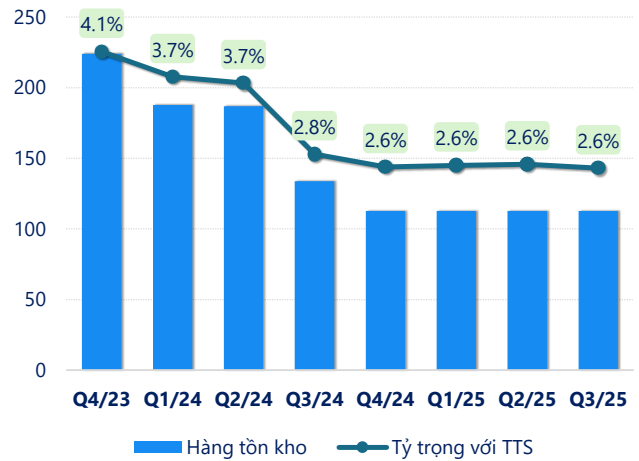
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


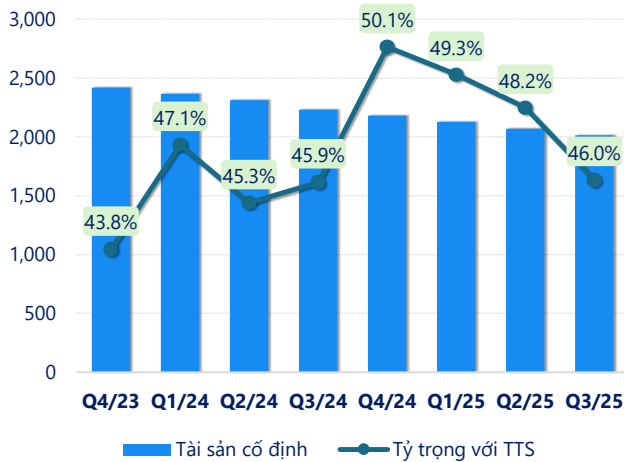
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


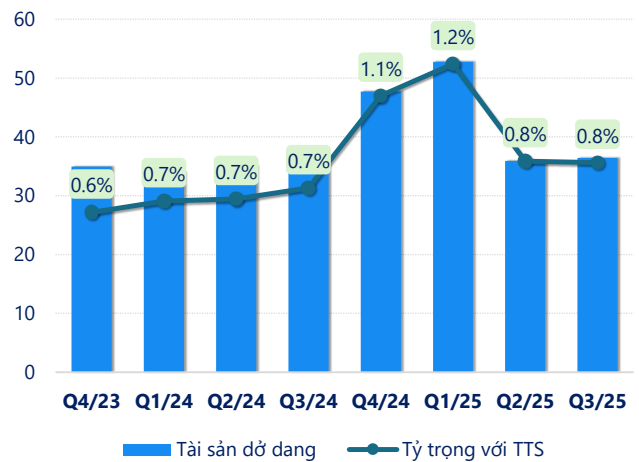
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

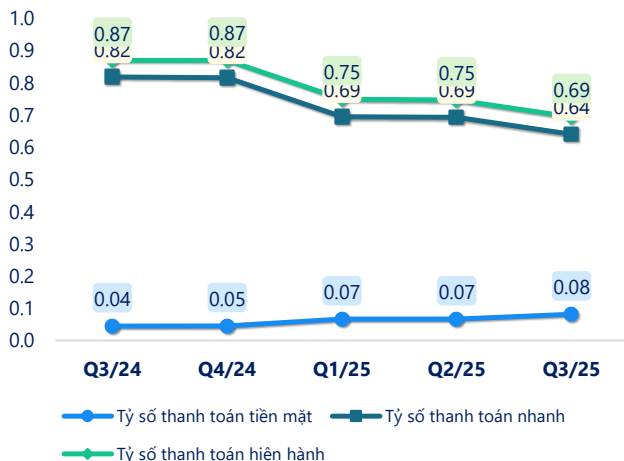
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

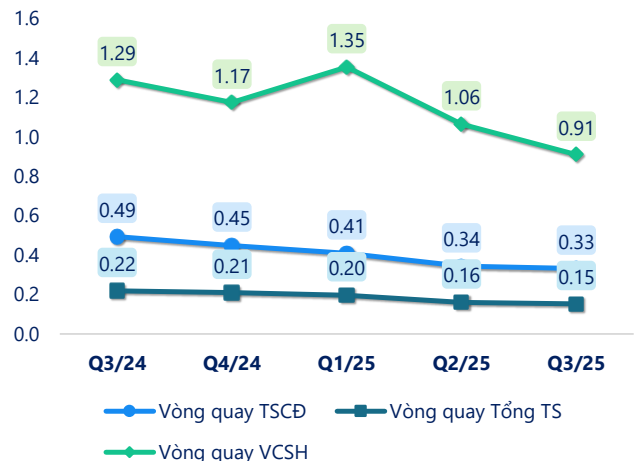
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	4,860	4,349	4,315	4,291	4,379
Tài sản ngắn hạn	2,276	1,820	1,537	1,560	1,453
Tiền và tương đương tiền	117	95.0	136	138	170
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	0	0	30.7	76.3
Phải thu ngắn hạn	1,974	1,611	1,287	1,276	1,091
Hàng tồn kho	134	113	113	113	113
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	1.80	1.72	2.46	2.17
Tài sản dài hạn	2,583	2,529	2,778	2,731	2,927
Phải thu dài hạn	85.5	81.9	388	413	413
Tài sản cố định	2,232	2,180	2,126	2,070	2,014
Bất động sản đầu tư	26.5	26.2	25.9	25.6	25.2
Tài sản dở dang	35.5	47.7	52.8	35.9	36.4
Đầu tư tài chính dài hạn	7.04	7.16	13.1	12.9	278
Tài sản dài hạn khác	96.5	89.0	79.6	85.1	76.0
Lợi thế thương mại	101	96.5	92.2	87.9	83.7
Nợ phải trả	4,216	3,590	3,522	3,474	3,473
Nợ ngắn hạn	2,618	2,093	2,050	2,090	2,093
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,084	865	803	815	778
Phải trả người bán ngắn hạn	210	206	197	170	170
Nợ dài hạn	1,598	1,498	1,472	1,385	1,381
Vay và nợ thuê dài hạn	1,521	1,433	1,403	1,313	1,313
Nguồn vốn chủ sở hữu	643	758	793	816	906
Vốn chủ sở hữu	643	758	793	816	906
Vốn điều lệ	2,993	2,993	2,993	2,993	2,993
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)